

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

**TCVN 11905:2017
ISO 16979:2003**

VÁN GỖ NHÂN TẠO - XÁC ĐỊNH ĐỘ ẨM

Wood-based panels - Determination of moisture content

HÀ NỘI - 2017

Lời nói đầu

TCVN 11905:2017 thay thế TCVN 7756-3:2007

TCVN 11905:2017 hoàn toàn tương đương với ISO 16979:2003.

TCVN 11905:2017 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC89
Ván gỗ nhân tạo biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Ván gỗ nhân tạo – Xác định độ ẩm

Wood-based panels – Determination of moisture content

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định phương pháp xác định độ ẩm của ván gỗ nhân tạo.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau đây rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN 11903 (ISO 16999) *Ván gỗ nhân tạo – Lấy mẫu và cất mẫu thử*

3 Nguyên tắc

Bằng cách cân, xác định hao hụt khối lượng của mỗi mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu và tại thời điểm sau khi sấy đến khối lượng không đổi ở nhiệt độ $(103 \pm 2)^\circ\text{C}$, và tính toán khối lượng hao hụt theo tỷ lệ phần trăm khối lượng mẫu thử sau khi sấy.

4 Thiết bị, dụng cụ

4.1 Cân, chính xác đến 0,01 g.

4.2 Tủ sấy, có thông gió, có khả năng kiểm soát tại nhiệt độ $(103 \pm 2)^\circ\text{C}$.

4.3 Bình hút ẩm, chứa silica gel, để duy trì không khí càng gần với điều kiện khô tuyệt đối càng tốt.

5 Mẫu thử

5.1 Lấy mẫu và cất mẫu

Lấy mẫu và cất mẫu thử phải tiến hành theo TCVN 11903 (ISO 16999). Mẫu thử phải bao gồm toàn bộ chiều dày tấm.

5.2 Khối lượng và kích thước

Khối lượng tối thiểu mẫu thử phải đạt 20 g. Hình dạng và kích cỡ mẫu thử không quan trọng. Mẫu thử không được dính mảnh vỡ và mùn cưa.

6 Cách tiến hành

6.1 Cân trước khi sấy

Cân từng mẫu thử ở trạng thái như đã lấy mẫu, chính xác đến 0,05 % khối lượng mẫu.

Lần cân ban đầu này được tiến hành ngay sau khi lấy mẫu. Nếu không thể thực hiện được, cần cẩn thận để tránh sự thay đổi độ ẩm mẫu thử sau khi lấy mẫu.

6.2 Sấy khô

Đặt mẫu thử vào tủ sấy (4.2) ở nhiệt độ $(103 \pm 2)^\circ\text{C}$ cho đến khi đạt được khối lượng không đổi.

Khối lượng được coi là không đổi khi chênh lệch kết quả giữa hai lần cân liên tiếp, được thực hiện trong khoảng thời gian cách nhau ít nhất 6 h không vượt quá 0,1 % khối lượng mẫu thử.

6.3 Cân sau khi sấy

Sau khi làm nguội mẫu thử trong bình hút ẩm (4.3) đến xấp xỉ nhiệt độ phòng, cân từng mẫu thử chính xác đến 0,05 % khối lượng mẫu, thao tác phải đủ nhanh để tránh độ ẩm tăng lên.

7 Biểu thị kết quả

Độ ẩm, H , của mỗi mẫu thử, tính bằng tỷ lệ phần trăm chính xác đến 0,1 %, được tính theo công thức:

$$H = \frac{m_0 - m_1}{m_1} \times 100$$

trong đó:

m_0 là khối lượng ban đầu của mẫu thử, tính bằng gam (g);

m_1 là khối lượng của mẫu thử sau khi sấy, tính bằng gam (g).

8 Tính độ ẩm tấm

Độ ẩm tấm thu được là giá trị trung bình cộng của các mẫu thử được lấy từ cùng một tấm, được biểu thị bằng tỷ lệ phần trăm, chính xác đến một số thập phân.

9 Báo cáo thử nghiệm

Báo cáo thử nghiệm phải bao gồm các thông tin sau:

- tên và địa chỉ phòng thử nghiệm;
 - báo cáo lấy mẫu theo TCVN 11903 (ISO 16999);
 - ngày báo cáo thử nghiệm;
 - viện dẫn tiêu chuẩn này;
 - loại và chiều dày tấm;
 - yêu cầu kỹ thuật sản phẩm liên quan;
 - xử lý bề mặt, nếu có;
 - tên thiết bị được sử dụng, trong trường hợp có nhiều thiết bị khác nhau được phép sử dụng trong tiêu chuẩn này;
 - kết quả thử nghiệm, biểu thị như đã được công bố trong Điều 7;
 - tất cả các sai khác so với tiêu chuẩn này.
-